

Số: 37/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư số
152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại
tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính
chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày

12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau:
 - a) Giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại (Phụ lục I);
 - b) Giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (Phụ lục II);
 - c) Giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm của rừng tự nhiên (Phụ lục III);
 - d) Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (Phụ lục IV).

2. Đối với tài nguyên có quy định trong khung giá tính thuế tài nguyên nhưng chưa quy định tại khoản 1 Điều này, khi có phát sinh áp dụng theo mức giá tối đa trong khung giá tính thuế tài nguyên hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động so với Bảng giá tính thuế tài nguyên quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có văn bản gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

2. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động khai

thác tài nguyên thuộc đối tượng nộp thuế tài nguyên và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Tổng Cục Thuế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình